BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
LIÊN ĐOÀN BÓNG CHUYỀN VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 884 /QĐ-BNV ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Liên đoàn Bóng chuyền Việt Nam;

2. Tên tiếng Anh: Volleyball Federation of Viet Nam

3. Tên viết tắt tiếng Anh: VFV

4. Biểu tượng: Biểu tượng của Liên đoàn được đăng ký bản quyền theo quy định của Pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Liên đoàn Bóng chuyền Việt Nam (sau đây gọi tắt là Liên đoàn) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động liên quan hoặc có liên quan đến môn bóng chuyền; tự nguyện thành lập, nhằm tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

1. Liên đoàn có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Liên đoàn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở làm việc của Liên đoàn đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Liên đoàn hoạt động trên phạm vi toàn quốc, về lĩnh vực hoạt động môn bóng chuyền (bóng chuyền trong nhà, bóng chuyền bãi biển và Bóng chuyền hơi) theo quy định của pháp luật.

2. Liên đoàn chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, sự quản lý về lĩnh vực thể dục thể thao của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành khác có liên quan về lĩnh vực Liên đoàn hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.

5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Điều 6. Tính pháp lý của ngôn ngữ

Ngôn ngữ chính thức của Liên đoàn sử dụng là tiếng Việt, ngôn ngữ giao dịch chính thức quốc tế là tiếng Anh. Các văn kiện, văn bản chính thức của Liên đoàn được thể hiện bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau. Trường hợp có sự không thống nhất trong việc hiểu các văn bản, thì văn bản tiếng Việt là căn cứ chuẩn.

Chương II
QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM

Điều 7. Quyền của Liên đoàn

1. Tổ chức, hoạt động theo điều lệ Liên đoàn đã được phê duyệt.

2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Liên đoàn. Được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Liên đoàn.

4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Liên đoàn, hội viên và cộng đồng phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Liên đoàn.

5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Liên đoàn.

6. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.

7. Tham gia các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học các hoạt động tư vấn, phản biện chính sách phù hợp với tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn theo đề nghị của cơ quan nhà nước. Tham gia cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn.

8. Liên đoàn được đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đặt trụ sở của Liên đoàn theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động và quản lý hội (Nghị định số 126/2024/NĐ-CP).

9. Thành lập và quản lý chặt chẽ tổ chức thuộc Liên đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn.

10. Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn; tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng giấy chứng nhận cho hội viên tham gia các lớp chuyên môn nghiệp vụ do Liên đoàn tổ chức;

11. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Liên đoàn.

12. Thu phí của hội viên và hoạt động tạo nguồn thu từ kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

13. Được tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của Liên đoàn.

14. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao (nếu có).

15. Liên đoàn là thành viên chính thức của Uỷ ban Olympic Việt Nam, Liên đoàn Bóng chuyền Thế Giới (FIVB), Liên đoàn Bóng chuyền Châu Á (AVC) và Liên đoàn Bóng chuyền Đông Nam Á (SAVA). Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất của cấp có thẩm quyền và các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

16. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

17. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Liên đoàn.

18. Tổ chức, quản lý thi đấu các giải bóng chuyền quốc gia và quốc tế tại Việt Nam theo thẩm quyền và kế hoạch được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

19. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Liên đoàn

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Liên đoàn và Điều lệ Liên đoàn.

2. Không được lợi dụng hoạt động của Liên đoàn để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản

sắc văn hóa dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Liên đoàn hoạt động trong lĩnh vực thể dục thể thao phải chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ và của các cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

5. Tập hợp, phát triển hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Liên đoàn và thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của Liên đoàn.

6. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn, Điều lệ, quy chế, quy định của Liên đoàn và bồi dưỡng cập nhật kiến thức tới hội viên đường lối, phương hướng phát triển sự nghiệp thể dục thể thao của Nhà nước, hiến chương Olympic quốc tế (IOC), Điều lệ và Luật FIVB ban hành. Tuân thủ các quyết định của FIVB, AVC và SAVA với tinh thần thể thao vì sức khỏe và hạnh phúc cho mọi người.

7. Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ; quản lý chặt chẽ hoạt động của tổ chức thuộc Liên đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của Liên đoàn để làm cơ sở cho Liên đoàn tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

8. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

9. Báo cáo hồ sơ tổ chức đại hội theo quy định tại khoản 7 Điều 19 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

10. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Liên đoàn phải báo cáo Bộ Nội vụ và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

11. Báo cáo việc thành lập các tổ chức thuộc Liên đoàn tới Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

12. Hàng năm, Liên đoàn phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Liên đoàn với tới Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Liên đoàn đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện

trước ngày 31 tháng 12. Báo cáo định kỳ hàng năm được thực hiện theo Mẫu số 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

13. Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Liên đoàn với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

14. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

15. Lập và lưu giữ tại trụ sở Liên đoàn danh sách hội viên, tổ chức thuộc Liên đoàn, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Liên đoàn, biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Liên đoàn.

16. Kinh phí thu được theo quy định tại khoản 12, khoản 13, khoản 14 Điều 7 Điều lệ này phải dành cho hoạt động Liên đoàn theo quy định của Điều lệ Liên đoàn, không được chia cho hội viên.

17. Việc sử dụng kinh phí của Liên đoàn phải chấp hành quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn đảm bảo công khai, minh bạch; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật; phải đăng ký mã số thuế và kê khai thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Hàng năm, Liên đoàn báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Chịu sự kiểm tra về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

18. Ban hành các quy chế về hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Liên đoàn; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Liên đoàn; khen thưởng, kỷ luật; quản lý hội viên; giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Liên đoàn; quản lý và sử dụng con dấu của Liên đoàn và các quy định khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

19. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Liên đoàn.

20. Cập nhật tình hình tổ chức, hoạt động của Liên đoàn vào cơ sở dữ liệu về hội và phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về Liên đoàn.

21. Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

22. Kiến nghị và đề xuất với cơ quan nhà nước về thể dục, thể thao và các cơ quan nhà nước có liên quan về các vấn đề:

a) Chủ trương, chính sách, kế hoạch, biện pháp nhằm phát triển nâng cao trình độ chuyên môn bóng chuyền Việt Nam;

b) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước triệu tập huấn luyện viên, vận động viên tham gia các đội dự tuyển, đội tuyển quốc gia. Cử cán bộ huấn luyện viên, trọng tài tham gia các khóa đào tạo, học tập, hội thảo tập huấn và thi đấu ở nước ngoài khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật. Tham gia chỉ đạo thực hiện và kiểm tra thực hiện kế hoạch;

c) Đề nghị khen thưởng, kỷ luật đối với huấn luyện viên, vận động viên bóng chuyền, các đội và cán bộ quản lý chuyên môn bóng chuyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn;

d) Xây dựng cơ sở vật chất tập luyện và thi đấu cũng như đầu tư trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu tập luyện nâng cao thành tích và tổ chức thi đấu quốc gia, quốc tế.

23. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội để:

a) Phát triển phong trào tập luyện môn bóng chuyền cho quần chúng, góp phần nâng cao sức khoẻ, văn hoá tinh thần, vui chơi giải trí, rèn luyện phẩm chất, ý chí, đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội ngày càng phát triển; tạo môi trường, phát hiện và bồi dưỡng ban đầu tài năng bóng chuyền;

b) Xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống đào tạo tài năng bóng chuyền các vận động viên trẻ, thiếu niên đến đội tuyển quốc gia;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng huấn luyện viên, hướng dẫn viên, trọng tài môn bóng chuyền và có kế hoạch sử dụng có hiệu quả đội ngũ này;

d) Xây dựng hệ thống các giải thi đấu bóng chuyền và tổ chức thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

24. Công nhận thành tích thi đấu thể thao, tổ chức xét và phong đẳng cấp cho vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài môn bóng chuyền theo tiêu chuẩn đã được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành.

25. Phê duyệt Điều lệ giải thi đấu vô địch môn bóng chuyền quốc gia, giải trẻ môn bóng chuyền quốc gia hàng năm; phê duyệt điều lệ các giải thi đấu bóng chuyền khác thuộc thẩm quyền quản lý của Liên đoàn theo quy định của pháp luật.

26. Hướng dẫn các câu lạc bộ bóng chuyền, liên đoàn bóng chuyền địa phương về chuyên môn, nghiệp vụ và tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các hội viên nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người chơi và tập luyện môn bóng chuyền.

27. Thu thập, bảo quản, trưng bày và giới thiệu các tư liệu liên quan đến môn bóng chuyền.

28. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III
HỘI VIÊN

Điều 9. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Liên đoàn gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: là tổ chức, công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Liên đoàn, tự nguyện có đơn xin gia nhập Liên đoàn thì được Liên đoàn xem xét công nhận là hội viên chính thức.

b) Hội viên liên kết: là tổ chức, công dân Việt Nam không có điều kiện

hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Liên đoàn, có đóng góp cho sự phát triển của Liên đoàn, tán thành Điều lệ Liên đoàn, tự nguyện đăng ký tham gia Liên đoàn và mong muốn làm hội viên liên kết của Liên đoàn thì được Liên đoàn xem xét công nhận là hội viên liên kết.

c) Hội viên danh dự: là công dân, tổ chức Việt Nam có nhiều thành tích, công lao đóng góp cho Liên đoàn nhưng không có điều kiện gia nhập Liên đoàn thì có thể được công nhận là hội viên danh dự của Liên đoàn.

2. Tiêu chuẩn đối với hội viên chính thức:

a) Hội viên tổ chức: là các Câu lạc bộ, Liên đoàn của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức có hoạt động liên quan đến môn thể thao bóng chuyền được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam; có điều lệ/quy chế hoạt động của tổ chức, có ban lãnh đạo được bầu hoặc bổ nhiệm theo quy định của cơ quan quản lý có thẩm quyền; tán thành Điều lệ Liên đoàn; tự nguyện có đơn xin gia nhập Liên đoàn có thể trở thành hội viên chính thức của Liên đoàn. Mỗi hội viên tổ chức cử một đại diện tham gia Liên đoàn. Người đại diện hội viên tổ chức phải là công dân Việt Nam, có đủ thẩm quyền quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động của Liên đoàn.

b) Hội viên cá nhân: là công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, có đủ sức khỏe để tham gia hoạt động của Liên đoàn, có hoạt động liên quan đến môn thể thao bóng chuyền, tán thành Điều lệ Liên đoàn; tự nguyện có đơn xin gia nhập và được chấp nhận là hội viên của các hội viên tổ chức hoặc là thành viên các cơ quan thuộc Liên đoàn, có thể trở thành hội viên chính thức của Liên đoàn.

Điều 10. Quyền của hội viên

1. Được Liên đoàn bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Liên đoàn cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn, được tham gia các hoạt động do Liên đoàn tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Liên đoàn theo quy định của Liên đoàn; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Liên đoàn theo quy định của Liên đoàn.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Liên đoàn.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Liên đoàn khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên danh dự, hội viên liên kết được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Liên đoàn và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban lãnh đạo, Ban Kiểm tra Liên đoàn.

Điều 11. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Liên đoàn.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Liên đoàn; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Liên đoàn phát triển vững mạnh,.

3. Bảo vệ uy tín của Liên đoàn, không được nhân danh Liên đoàn trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Liên đoàn phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Liên đoàn.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Liên đoàn.

6. Bàn giao lại công việc và tài sản, tài chính có liên quan khi không còn hoạt động ở Liên đoàn.

Điều 12. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Liên đoàn

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên

a) Điều kiện gia nhập Liên đoàn: tổ chức, công dân Việt Nam có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 9 của Điều lệ này muốn gia nhập Liên đoàn phải viết đơn, kèm theo hồ sơ xin gia nhập Liên đoàn, gồm:

- Đơn xin gia nhập Liên đoàn (theo mẫu);

- Bản sao công chứng căn cước công dân (đối với hội viên cá nhân);

- Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; công văn cử đại diện tổ chức tham gia Liên đoàn (đối với hội viên tổ chức);

- Văn bản cam kết tuân thủ Điều lệ Liên đoàn, Luật thi đấu, các quy định của Liên đoàn;

- Đóng hội phí theo quy định.

b) Theo Nghị quyết của Ban Thường vụ, Chủ tịch ra quyết định kết nạp hội viên mới.

c) Sau khi nhận được quyết định kết nạp hội viên của Chủ tịch, hội viên đóng hội phí theo quy định và được cấp thẻ hội viên của Liên đoàn.

2. Thủ tục hội viên ra khỏi Liên đoàn

a) Hội viên tự nguyện xin ra khỏi Liên đoàn: Hội viên tự nguyện làm đơn gửi Ban Thường vụ Liên đoàn xem xét, quyết định. Trước khi ra khỏi Liên đoàn, hội viên phải có trách nhiệm giải quyết xong mọi vấn đề liên quan đến Liên đoàn, tổ chức và hội viên khác của Liên đoàn; bàn giao công việc, cơ sở vật chất, tài chính mà mình phụ trách cho Liên đoàn; Quyền và nghĩa vụ hội viên sẽ chấm dứt sau khi Ban Thường vụ Liên đoàn thông báo chấp thuận.

b) Khai trừ hội viên ra khỏi Liên đoàn: Ban Thường vụ Liên đoàn xem xét, quyết định khai trừ hội viên ra khỏi Liên đoàn trong các trường hợp sau:

- Vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm nghiêm trọng Điều lệ và các quy định của Liên đoàn làm tổn hại đến quyền lợi, uy tín và sự đoàn kết của Liên đoàn;

- Đối với hội viên cá nhân: Bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tước quyền công dân theo quy định của pháp luật;

- Đối với hội viên tổ chức: Bị đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật;

- Không tham gia hoạt động Liên đoàn theo nghĩa vụ của hội viên đã quy định tại Điều 11 của Điều lệ này;

- Không đóng hội phí từ 06 (sáu) tháng trở lên, kể từ khi Liên đoàn thông báo nhắc lần thứ hai, trừ trường hợp có lý do được Ban Thường vụ chấp thuận.

c) Hội viên đương nhiên không còn là hội viên của Liên đoàn trong các trường hợp sau:

- Đối với hội viên cá nhân: Mất khả năng hành vi dân sự, tuyên bố mất tích theo quy định hoặc chết;

- Đối với hội viên tổ chức: Bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

d) Trước khi ra khỏi Liên đoàn, hội viên phải bàn giao công việc, tài sản, tài chính mà mình phụ trách cho Liên đoàn (nếu có).

đ) Sau khi Ban Thường vụ xem xét, quyết định, Chủ tịch Liên đoàn có trách nhiệm ra quyết định chấm dứt tư cách hội viên.

Chương IV
TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 13. Cơ cấu tổ chức của Liên đoàn

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng, ban chuyên môn và các tổ chức thuộc Liên đoàn.

Điều 14. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên đoàn là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội;

b) Thông qua chương trình đại hội, quy chế đại hội, quy chế bầu cử;

c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của Liên đoàn; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Liên đoàn;

d) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành;

đ) Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất (nếu có);

e) Thông qua đề án nhân sự đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của Liên đoàn; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Liên đoàn;

g) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Liên đoàn;

h) Các nội dung khác theo quy định của Điều lệ Liên đoàn;

i) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 15. Ban Chấp hành Liên đoàn

1. Ban Chấp hành Liên đoàn là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Liên đoàn. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Liên đoàn, lãnh đạo mọi hoạt động của Liên đoàn giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Liên đoàn;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Liên đoàn. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Liên đoàn; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của Liên đoàn, các quy chế khác và các quy định trong nội bộ Liên đoàn phù hợp với quy định của Điều lệ Liên đoàn và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên Ban Kiểm tra; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định. Tổng số ủy

viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (kể cả ủy viên Ban Chấp hành, Ban kiểm tra được bổ sung) không vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Liên đoàn.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành. Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Chấp hành quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên đoàn;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản.

e) Tất cả các quyết định đều được ghi lại trong biên bản cuộc họp và nghị quyết của Ban Chấp hành. Các quyết định sẽ có hiệu lực ngay sau khi người có thẩm quyền ký văn bản hoặc vào một thời điểm theo quyết định của Ban Chấp hành và phải được gửi tới các uỷ viên Ban Chấp hành, các tổ chức, cá nhân thuộc Liên đoàn có liên quan, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 16. Ban Thường vụ Liên đoàn

1. Ban Thường vụ Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Liên đoàn gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Liên đoàn; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Liên đoàn giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức thuộc Liên đoàn theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Liên đoàn;

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Liên đoàn.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn;

b) Ban Thường vụ mỗi năm họp 03 (ba) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Liên đoàn hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ. Ban Thường vụ có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên đoàn;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản.

e) Tất cả các quyết định đều được ghi lại trong biên bản cuộc họp và nghị quyết của Ban Thường vụ. Các quyết định sẽ có hiệu lực ngay sau khi người có thẩm quyền ký văn bản hoặc vào một thời điểm theo quyết định của Ban Thường vụ và phải được gửi tới các uỷ viên Ban Thường vụ, các tổ chức, cá nhân thuộc Liên đoàn có liên quan, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 17. Ban Kiểm tra Liên đoàn

1. Ban Kiểm tra Liên đoàn do Đại hội bầu. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban Kiểm tra trong nhiệm kỳ khi có sự thay đổi.

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Liên đoàn, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Liên đoàn trong hoạt động của các tổ chức thuộc Liên đoàn, hội viên;

c) Xem xét, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Liên đoàn, hội viên, các tổ chức thuộc Liên đoàn đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại tố cáo của Liên đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn. Tổng hợp, đề nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành. Trường hợp không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

d) Ban Kiểm tra thông báo kết quả kiểm tra đến Ban Thường vụ, Ban Chấp hành; tổng hợp báo cáo Đại hội kết quả kiểm tra của Liên đoàn trong nhiệm kỳ.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

a) Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn. Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.

b) Chịu trách nhiệm trước Liên đoàn về công tác kiểm tra của Liên đoàn;

c) Ban Kiểm tra mỗi năm họp 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm tra Liên đoàn hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Kiểm tra; Ban Kiểm tra có thể tổ chức họp bằng hình thức trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Kiểm tra quyết định;

d) Các quyết định của Ban Kiểm tra được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Kiểm tra dự họp biểu quyết tán thành.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên đoàn

1. Chủ tịch Liên đoàn là đại diện của Liên đoàn trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Liên đoàn. Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch Liên đoàn:

a) Tiêu chuẩn:

- Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Có uy tín và hiểu biết về lĩnh vực Liên đoàn hoạt động;
- Có quốc tịch Việt Nam;
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích;
- Đủ sức khỏe thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kỳ.

b) Điều kiện:

- Không giữ chức danh chủ tịch quá 02 hội;

- Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý về lĩnh vực hoạt động chính của Liên đoàn; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Nhân sự dự kiến chủ tịch Liên đoàn là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Liên đoàn:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Liên đoàn, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Liên đoàn, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn về mọi hoạt động của Liên đoàn. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Liên đoàn theo quy định Điều lệ Liên đoàn; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Liên đoàn;

đ) Khi Chủ tịch Liên đoàn vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Liên đoàn được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Liên đoàn;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Liên đoàn.

4. Liên đoàn có không quá 05 Phó Chủ tịch Liên đoàn, trong đó không quá 02 Phó Chủ tịch chuyên trách.

5. Phó Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành Liên đoàn quy định

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Liên đoàn chỉ đạo, điều hành công tác của Liên đoàn theo sự phân công của Chủ tịch Liên đoàn; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Liên đoàn và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Liên đoàn phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Liên đoàn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn phù hợp với Điều lệ Liên đoàn và quy định của pháp luật.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Liên đoàn:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Liên đoàn được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân;

b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Liên đoàn bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc Chủ tịch và Phó Chủ tịch Liên đoàn vi phạm pháp luật, Điều lệ Liên đoàn làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Liên đoàn hoặc bị Toà án kết án có tội;

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Liên đoàn phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn hoặc phân công người điều hành hoạt động của Liên đoàn trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Liên đoàn.

7. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Liên đoàn bị đình chỉ trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Liên đoàn;

b) Ban Chấp hành Liên đoàn quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên đoàn.

Điều 19. Tổng thư ký, Phó Tổng thư ký Liên đoàn

1. Tổng thư ký: Tổng thư ký do Chủ tịch giới thiệu, Ban Chấp hành bầu trong số ủy viên Ban Thường vụ, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Trực tiếp điều hành, phối hợp các ban chuyên môn để tổ chức thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về các nội dung hoạt động của Liên đoàn;

b) Được uỷ quyền thứ nhất của chủ tài khoản Liên đoàn;

c) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Chủ tịch và pháp luật về hoạt động điều hành của Liên đoàn;

d) Đảm bảo mối liên hệ với các tổ chức bóng chuyền quốc tế, các Liên đoàn bóng chuyền khu vực và các tổ chức thể thao khác;

đ) Chịu trách nhiệm về công tác hành chính, kế hoạch - tài chính, tổng hợp của Liên đoàn;

e) Tổng thư ký được thay mặt Ban Thường vụ để giải quyết các công việc thường xuyên của Liên đoàn, điều hành trực tiếp các công việc của Văn phòng;

g) Trường hợp Tổng thư ký vắng mặt, nếu cần có thể uỷ quyền cho một Phó Tổng thư ký thực hiện nhiệm vụ của Tổng thư ký.

2. Phó Tổng thư ký:

Phó Tổng thư ký do Tổng thư ký giới thiệu, Ban Chấp hành bầu là người giúp việc Tổng thư ký, được Tổng thư ký phân công việc từng lĩnh vực công tác của Liên đoàn và chịu trách nhiệm trước Tổng thư ký, Ban Chấp hành và pháp luật.

Điều 20. Văn phòng, các ban chuyên môn và tổ chức thuộc Liên đoàn

1. Ban Chấp hành Liên đoàn Bóng chuyền Việt Nam căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ công tác để xem xét, quyết định thành lập Văn phòng, các ban chuyên môn và tổ chức thuộc Liên đoàn theo quy định của pháp luật.

2. Văn phòng, các ban chuyên môn của Liên đoàn gồm:

a) Ban Huấn luyện, đào tạo và nghiên cứu khoa học;

b) Ban Tổ chức thi đấu và Trọng tài;

c) Ban Bóng chuyền bãi biển;

d) Ban Phát triển phong trào;

đ) Ban Tài trợ, truyền thông;

e) Ban Quan hệ quốc tế, Pháp chế và Khen thưởng, kỷ luật;

g) Văn phòng Liên đoàn.

3. Văn phòng do Tổng thư ký điều hành, có quan hệ chặt chẽ với các ban chuyên môn để thực hiện mọi nhiệm vụ của Liên đoàn.

4. Mỗi ban có Trưởng ban do Ban Chấp hành bầu trong số uỷ viên Ban Chấp hành, các Phó Trưởng ban do Trưởng ban đề cử và được Ban Thường vụ ký quyết định bổ nhiệm.

5. Nhiệm vụ, nhân sự, quy chế hoạt động của Văn phòng, các ban chuyên môn và tổ chức thuộc Liên đoàn do Ban Chấp hành quy định.

Chương V
ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ LIÊN ĐOÀN

Điều 21. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Liên đoàn

Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Liên đoàn thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Ban Chấp hành Liên đoàn và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 22. Thu hồi con dấu của Liên đoàn

Việc thu hồi con dấu đối với Liên đoàn đổi tên, Liên đoàn bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI
TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 23. Tài chính, tài sản của Liên đoàn

1. Tài chính của Liên đoàn:

a) Nguồn thu của Liên đoàn:

- Phí gia nhập Liên đoàn, hội phí hàng năm của hội viên;

- Thu từ các hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật;

- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;

- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Liên đoàn:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Liên đoàn;

- Chi thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao (nếu có);

- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Liên đoàn theo quy định của Ban Chấp hành Liên đoàn phù hợp với quy định của pháp luật;

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Liên đoàn:

a) Tài sản của Liên đoàn bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Liên đoàn và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tài sản của Liên đoàn được hình thành từ nguồn kinh phí của Liên đoàn do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật;

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Liên đoàn thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ của Liên đoàn. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Khi Liên đoàn chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì Liên đoàn kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

- Đối với tài sản của Liên đoàn là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công;

- Đối với tài sản của Liên đoàn được hình thành từ nguồn tự có của Liên đoàn thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Liên đoàn.

Điều 24. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn

1. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn:

a) Tài chính, tài sản của Liên đoàn chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Liên đoàn;

b) Tài chính, tài sản của Liên đoàn khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đình chỉ có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan;

c) Ban Chấp hành Liên đoàn ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết

kiệm phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê:

a) Liên đoàn phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

- Chấp hành các quy định về chứng từ kế toán; hạch toán kế toán và các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Liên đoàn;

- Mở sổ kế toán ghi chép và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Liên đoàn (phản ánh, theo dõi chi tiết sổ thu, chi tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, viện trợ, tài trợ và các khoản thu, chi khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn);

- Lập đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính, quyết toán năm gửi Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;

- Lập đầy đủ hồ sơ tài liệu, chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

b) Chịu sự kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của Bộ Tài chính hoặc Bộ Nội vụ và cơ quan kiểm toán có thẩm quyền;

c) Cung cấp các thông tin cần thiết gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Giải quyết tài sản, tài chính khi Liên đoàn chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể Liên đoàn

Việc giải quyết tài sản, tài chính khi Liên đoàn chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể Liên đoàn thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

Chương VII
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 26. Khen thưởng

1. Tổ chức thuộc Liên đoàn, hội viên có thành tích xuất sắc được Liên đoàn khen thưởng hoặc được Liên đoàn đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Liên đoàn quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Liên đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Điều 27. Kỷ luật

1. Tổ chức thuộc Liên đoàn, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Liên đoàn thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức:

a) Khiển trách: Đối với trường hợp vi phạm lần đầu, mức độ vi phạm

không làm tổn hại đến danh dự, uy tín của Liên đoàn;

b) Cảnh cáo: Đối với trường hợp tái vi phạm, mức độ vi phạm gây tổn hại đến danh dự, uy tín của Liên đoàn;

c) Khai trừ: Đối với hội viên bị tước quyền công dân thì đương nhiên bị xoá tên và khai trừ khỏi danh sách hội viên; đối với hội viên là cơ quan, tổ chức cố tình vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Liên đoàn đồng thời gây tổn hại nghiêm trọng đến danh dự, uy tín của Liên đoàn và quốc gia thì bị khai trừ ra khỏi danh sách hội viên.

Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Liên đoàn quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong Liên đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Liên đoàn

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Liên đoàn phải được Đại hội thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức tán thành.

2. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) phải được Liên đoàn hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Liên đoàn Bóng chuyền Việt Nam gồm 08 (tám) Chương, 29 (hai mươi chín) Điều đã được Đại hội đại biểu lần thứ VIII nhiệm kỳ 2026-2031 Liên đoàn Bóng chuyền Việt Nam thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại thành phố Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) này thay thế cho Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Liên đoàn Bóng chuyền Việt Nam đã được phê duyệt kèm theo Quyết định số 310/QĐ-BNV ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Liên đoàn, Ban Chấp hành Liên đoàn Bóng chuyền Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.